

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN



WEI YAN

**SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH QUẢN
LÝ VĂN HÓA GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA NGHỆ
THUẬT QUÂN ĐỘI VIỆT NAM VỚI HỌC VIỆN NGHỆ THUẬT
QUẢNG TÂY TRUNG QUỐC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ VIỆT NAM HỌC

Hà Nội -2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN



WEI YAN

SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH
QUẢN LÝ VĂN HÓA GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA
NGHỆ THUẬT QUÂN ĐỘI VIỆT NAM VỚI HỌC VIỆN
NGHỆ THUẬT QUẢNG TÂY TRUNG QUỐC

LUẬN VĂN THẠC SĨ VIỆT NAM HỌC

Chuyên ngành: Việt Nam Học

Mã số: 8310630.01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. Nguyễn Đình Lâm

Hà Nội - 2020

LỜI CẢM ƠN

Khi luận văn kết thúc, tôi xin cảm ơn thầy hướng dẫn TS. Nguyễn Đình Lâm đã quan tâm và hướng dẫn cẩn thận. Trong quá trình viết luận văn, Thầy Lâm đã dành rất nhiều công sức và tâm huyết giúp đỡ tôi trong công trình này. Từ việc lựa chọn chủ đề, thu thập tài liệu, đến phương pháp nghiên cứu, thầy đã góp ý rất nhiều cho tôi trong quá trình nghiên cứu, dưới sự tận tâm dạy dỗ và hướng dẫn của thầy, tôi đã nâng cao kiến thức sâu rộng hơn nhiều so với trước và đã hoàn thành xong công trình luận văn này. Ngoài ra, tôi cũng cảm nhận và học tập theo tinh thần nghiêm túc và phong cách làm việc tỉ mỉ của thầy, rất hữu ích đối với tôi trong suốt cuộc đời. Tôi muốn bày tỏ lời cảm ơn chân thành và lòng biết ơn sâu sắc.

Trong quá trình viết luận văn, tôi cũng nhận được những lời đề nghị và ý kiến có giá trị từ nhiều thầy cô trong Khoa Việt Nam học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, các thầy cô của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và các bạn Việt Nam, đồng thời tôi cũng nhận được nhiều lời đề nghị và ý kiến từ các thầy cô Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc và các bạn Trung Quốc trong quá trình làm việc. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô và các bạn. Cảm ơn tất cả các thầy cô và các bạn đã quan tâm, hỗ trợ và giúp đỡ tôi.

Một lần nữa, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các chuyên gia đã dành thời gian xem xét bài viết này và cung cấp các bình luận có giá trị!

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản Luận văn ***SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUÂN ĐỘI VIỆT NAM VÀ HỌC VIỆN NGHỆ THUẬT QUẢNG TÂY TRUNG QUỐC*** là phần nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của ***TS. NGUYỄN ĐÌNH LÂM*** mà trước đó chưa có bất kỳ tác giả nào công bố.

Những tư liệu và số liệu sử dụng trong bản luận văn có tính xác thực và nguồn gốc rõ ràng.

Tác giả

WEI YAN

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
MỞ ĐẦU.....	6
1. Lý do chọn đề tài.....	6
2. Lịch sử nghiên cứu.....	7
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	8
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	9
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	9
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	9
5. Phương pháp nghiên cứu.....	10
6. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học.....	11
6.1. Câu hỏi nghiên cứu.....	11
6.2. Giả thuyết khoa học.....	11
7. Đóng góp của luận văn.....	11
8. Cấu trúc của luận văn.....	12
Chương 1: Cơ sở lý luận và tổng quan ngành Quản lý văn hóa ở Việt Nam và Trung Quốc.....	13
1.1. Khái niệm.....	13
1.1.1. Văn hóa và quản lý văn hóa.....	13
1.1.2. Ngành Quản lý văn hóa và chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa.....	19
1.2. Tổng quan ngành Quản lý văn hóa ở Việt Nam và Trung Quốc.....	21
1.2.1. Ngành Quản lý văn hóa ở Việt Nam.....	21
1.2.2. Ngành Quản lý văn hóa ở Trung Quốc.....	23
1.3. Tổng quan về trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	27
1.3.1. Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam.....	27
1.3.2. Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	28
Tiểu kết chương 1.....	31
Chương 2: Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa của trường	

Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc: So sánh mục tiêu, chương trình, phương pháp đào tạo và chuẩn đầu ra.....	32
2.1. So sánh mục tiêu đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và trường Học viện Quảng Tây Trung Quốc	32
2.1.1. Mục tiêu chung của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam.....	32
2.1.2. Mục tiêu chung của Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	32
2.2. So sánh về nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	34
2.2.1. Các học phần giáo dục đại cương.....	34
2.2.2. Các học phần giáo dục chuyên ngành.....	42
2.3. So sánh về phương pháp đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	52
2.3.1. Phương pháp giảng dạy.....	52
2.3.2. Phương pháp kiểm tra- đánh giá.....	55
2.4. So sánh chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản lý văn hóa giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	57
2.4.1. Chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản lý văn hóa của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam.....	58
2.4.2. Chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản lý văn hóa của Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	60
Tiểu kết chương 2.....	67
Chương 3: Chuyên ngành Quản lý văn hóa của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc: nhận định và đề xuất.....	70
3.1. Nhận định về đặc trưng, bản sắc văn hóa trong chương trình đào tạo	

chuyên ngành Quản lý văn hóa giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc	70
3.1.1. Đặc trưng, bản sắc văn hóa trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam	70
3.1.2. Đặc trưng, bản sắc văn hóa trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	72
3.2. Nhận định về tầm quan trọng khi so sánh chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	74
3.2.1. Xây dựng chuyên ngành Quản lý văn hóa của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc trong bảo tồn đặc trưng, bản sắc văn hóa của hai quốc gia.....	74
3.2.2. Những nhận định trong xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.....	76
3.2.3. Cần mở chuyên ngành Quản lý Di sản trong ngành Việt Nam học.....	79
3.3. Một số đề xuất cho ngành Quản lý văn hóa ở Việt Nam khi nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	80
Tiểu kết chương 3.....	83
KẾT LUẬN.....	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	89
PHỤ LỤC	93

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
ĐHQG	Đại học Quốc gia
ĐVHT	Đơn vị học tr ình
NXB	Nhà xuất bản
PGS.TS	Phó Giáo sư, Tiến sĩ
QLVH	Quản lý văn hóa
TS	Tiến sĩ
TSKH	Tiến sĩ khóa học

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Phân loại các chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học Trung Quốc.

Bảng 1.2. Phân loại các chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học Trung Quốc từ năm 2018 đến nay (xếp loại khoa học nghệ thuật/ nghệ thuật học) .

Bảng 2.1. So sánh mục tiêu đào tạo giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

Bảng 2.2. Bảng biểu thể hiện mối tương quan giữa các nhóm kiến thức giáo dục đại cương của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam.

Bảng 2.3. Bảng biểu thể hiện mối tương quan giữa các nhóm kiến thức giáo dục đại cương của Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

Bảng 2.4. Bảng biểu so sánh các nhóm kiến thức giáo dục đại cương giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

Bảng 2.5. Bảng biểu thể hiện mối tương quan giữa các nhóm kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam.

Bảng 2.6. Bảng biểu thể hiện mối tương quan giữa các nhóm kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của trường Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

Biểu đồ 2.7. Mối quan hệ giữa các môn chung trong đào tạo chuyên ngành định hướng Mỹ thuật và định hướng Âm nhạc của trường Học viện Nghệ thuật Quảng Tây -Trung Quốc

Bảng 2.8. So sánh phân bố giáo dục chuyên nghiệp giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

Bảng 2.9. Bảng đánh giá chuẩn đầu ra chuyên ngành quản lý văn hóa giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Với sự phát triển nhanh chóng của xã hội, các chuyên ngành khoa học đang có xu hướng chia tách và liên kết ngày càng mạnh. Chi tiết đi sâu vào ngành khoa học về văn hóa, với vị trí quan trọng của nó trong đời sống xã hội, bên cạnh kinh tế, chính trị, thì các chuyên ngành hẹp liên quan với ngành văn hóa ngày càng được liên ngành, xuyên ngành với nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau, đặc biệt là nhóm ngành gần. Đáng chú ý là, ngành văn hóa học ở Việt Nam, Trung Quốc, trong những năm qua có mở mã chuyên ngành quản lý văn hóa, cũng có cơ sở đào tạo tách ra thành một ngành đào tạo riêng. Nhiệm vụ nghiên cứu quản lý văn hóa là: khi ba hệ thống (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở điểm thúc đẩy lẫn nhau tốt nhất, hệ thống văn hóa sẽ ở trạng thái như thế nào? Khi hệ thống chính trị và kinh tế phát triển và thay đổi, hệ thống văn hóa sẽ làm thế nào để thoát khỏi trạng thái ổn định cũ một cách nhanh chóng và theo kịp sự phát triển của chính trị và kinh tế? Đây là một câu hỏi lý thuyết rất phức tạp, nhưng nó cũng là nhiệm vụ cơ bản của quản lý văn hóa.

Trong khi, văn hóa lại là một phạm trù lớn, là khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, nó thường được hiểu là văn học, nghệ thuật, tôn giáo tín ngưỡng, lịch sử, địa lý v.v, như thơ ca, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh..., nhìn từ xu hướng chung phát triển quản lý, dựa trên cơ sở văn hóa, quản lý văn hóa là một chuyên ngành phát triển mới của quản lý khoa học và là một lựa chọn tất yếu để quản lý thích ứng với xu hướng chung của phát triển kinh tế và xã hội hiện đại. Tuy nhiên, việc đào tạo ngành quản lý văn hóa, với tư cách là một chuyên ngành khoa học, còn nhiều khác biệt giữa các trường đại học tại Việt Nam và Trung Quốc; chuyên ngành Quản lý văn hóa cũng được chia theo nhiều lĩnh vực và phương hướng khác nhau, ví dụ, quản lý văn hóa nghệ thuật, quản lý công nghiệp văn hóa (định hướng văn hóa kinh tế), quản lý dịch vụ công cộng (định hướng sản xuất phim và truyền hình và định hướng giáo dục nghệ thuật) và các định hướng

giao lưu văn hóa quốc tế v.v. Như vậy, chưa có sự thống nhất về mặt học thuật đối với một chuyên ngành khoa học, có thể là vấn đề lớn đặt ra đối với công tác nghiên cứu và quản lý văn hóa ở cấp độ trung ương và địa phương ở hai quốc gia.

Cần nói thêm, những năm gần đây, Việt Nam và Trung Quốc giao lưu về văn hóa nghệ thuật ngày càng tăng lên, một số sinh viên Việt Nam sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý văn hóa, họ học tiếp thạc sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa tại Trung Quốc, nhất là trong chuyên ngành Quản lý văn hóa nghệ thuật. Xác định đây là vấn đề quan trọng song, theo tác giả tìm hiểu, cho đến nay tại Việt Nam chưa có ai viết luận văn về so sánh chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, hơn nữa với góc độ là tiếp cận từ chuyên ngành Việt Nam học, đây hoàn toàn là một đề tài mới và sẽ là một đề tài ý nghĩa và có ích cho học thuật.

Với những lý do đó, tác giả chọn đề tài “So sánh chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa giữa trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc” mong có thể thúc đẩy chuyên ngành Quản lý văn hóa của hai trường hoặc các trường hai nước ngày càng phát triển.

2. Lịch sử nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề liên quan về chiến lược quản lý văn hóa cũng như chính sách văn hóa Trung Quốc nói chung đã có những công trình nghiên cứu đề cập, như: Trần Thị Thủy (2014), “Cải cách thể chế văn hóa của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2, Hà Nội; Lý Thị Thanh Bình (2017), “Bàn về Quy hoạch 5 năm lần thứ 13 phát triển sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2, Hà Nội; Hoàng Nam, Hồng Yến (2013), “Lý luận mềm văn hóa và nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh mềm văn hóa”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 12, Hà Nội; Trần Lê Bảo (2013), “Đường lối văn nghệ hiện đại của Trung Quốc”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 8, Hà Nội; Nguyễn Thị Huệ, Trịnh Thanh Hà (2019), “Vài nét về sự khác biệt trong văn hóa giao tiếp ở hai nước Trung - Việt”, Tạp chí Nghiên cứu Trung

Quốc, số 2, Hà Nội; Đỗ Tiến Sâm (2014), “Các trường đại học lưu vực sông Hồng Việt Nam – Trung Quốc nắm bắt cơ hội, đi sâu hợp tác, cùng nhau phát triển”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2, Hà Nội; Cam Tuyết Xuân (2014), “Giao lưu hợp tác, mở cửa cùng thắng, thúc đẩy phát triển mới trong hợp tác giữa các trường đại học thuộc lưu vực sông Hồng hai nước Việt – Trung”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2, Hà Nội; Chữ Bích Thu (2016), “Vấn đề bảo tồn di sản thi văn thi phú thế giới của Trung Quốc hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 10, Hà Nội. Wu Weimin và Hou Yunfeng (2000), “Lý thuyết và Thực hành Quản lý Nghệ thuật”; Xie Dajing (2012), “Quản lý nghệ thuật”; Yu Ding (2008) “Giới thiệu về Quản lý Nghệ thuật; Guan Shunfeng, Chen Hanqing, Du Juan, Yao Shanliang (2008) “Quản lý nghệ thuật”.

Mặc dù một số công trình nghiên cứu trên đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến vấn đề đào tạo nguồn nhân lực ngành văn hóa, trong đó có trách nhiệm của chuyên ngành quản lý văn hóa, tuy vậy, vấn đề nghiên cứu sâu về ngành quản lý văn hóa của hai quốc gia, thì cho tới thời điểm hiện tại, chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu nào đề cập. Đây chính là khoảng trống mà tác giả luận văn mong muốn đi sâu nghiên cứu để chỉ ra những tương đồng và khác biệt trong đào tạo lĩnh vực này thông qua nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây – Trung Quốc. Nghiên cứu sẽ luận giải những nguyên nhân và của sự khác biệt để từ đó có thể rút ra những bài học kinh nghiệm về đào tạo nguồn nhân lực quản lý văn hóa giữa hai quốc gia trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở những luận giải dưới góc tiếp cận của ngành Việt Nam học, công trình sẽ cung cấp những luận cứ cho việc nghiên cứu đặc trưng văn hóa giữa hai quốc gia xuất phát từ ngay trong quá trình đào tạo cũng như chiến lược phát triển, đào tạo văn hóa của hai nước thông qua nghiên cứu hai cơ sở giáo dục đại học này.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Luận văn tập trung làm rõ sự khác biệt trong chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa

Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

- Luận văn nhận định bản sắc văn hóa cũng như rút ra những luận điểm cần thiết phục vụ nghiên cứu và đào tạo ngành Quản lý văn hóa bậc đại học ở trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

- Luận văn cũng đề xuất một số giải pháp nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo khi xây dựng đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa theo hướng ứng dụng và phù hợp với sự đổi mới của hiện đại hóa và quốc tế hóa xã hội hiện nay giữa các trường có hoặc sắp mở chuyên ngành Quản lý văn hóa Việt Nam và Trung Quốc nói chung, trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc nói riêng, mong có thể đóng góp về tài liệu tham khảo và thông tin dữ liệu cho các bạn muốn nghiên cứu về chuyên ngành Quản lý văn hóa sau này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của luận văn là đặc trưng và những khác biệt cơ bản giữa hai chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa bậc đại học của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc; Những phát hiện về tính hợp lý trong chương trình đào tạo ngành quản lý văn hóa của hai trường được rút ra từ nghiên cứu cung cấp luận cứ đề xuất nâng cao chất lượng đào tạo ngành quản lý văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian, chúng tôi tập trung nghiên cứu so sánh chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội của Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây – Trung Quốc từ 2000 đến nay.

- Về nội dung, luận văn sẽ tập trung nghiên cứu, so sánh trên các mặt: mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật

Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc. Ngoài ra, các so sánh những khía cạnh liên quan như chiến lược quốc gia, đặc thù về vùng văn hóa của hai cơ sở đào tạo trên, những vấn đề kinh nghiệm trong xây dựng chương trình và đào tạo ngành này để phục vụ cho công tác nghiên cứu ngành này ở Việt Nam cũng thuộc phạm vi nội dung nghiên cứu trong luận văn này.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp tiếp cận chính của chuyên ngành Việt Nam học là tìm ra đặc trưng văn hóa riêng trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc. Đồng thời, luận văn sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành văn hóa học, giáo dục học để nghiên cứu, làm rõ vấn đề xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa giữa hai cơ sở của hai quốc gia trên. Từ xác định hướng đi này, luận văn sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu để nhận diện toàn bộ nội dung, chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội của Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc, thể hiện trong chương 01 và chương 02 của luận văn.

- Luận văn sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu để phát hiện, làm rõ sự tương đồng và khác biệt trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội của Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc. Phương pháp này sẽ trình bày tập trung ở chương 02 của luận văn.

- Luận văn cũng sử dụng phương pháp thống kê lập bảng biểu, sơ đồ để xác định sự tương đồng và khác biệt trong hai chương trình đào tạo trên. Phương pháp này tập trung thực hiện ở chương 02 của luận văn.

- Luận văn còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu một số nhà khoa học, nhà quản lý và giảng viên, sinh viên hai trường: trường Đại học Văn hóa Nghệ

thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc để trình bày những thuận lợi, khó khăn trong chương trình này trong thời gian qua. Phương pháp này được sử dụng ở một phần của chương hai và tập trung chủ yếu ở chương 03 của luận văn.

6. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học

6.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc có những khác biệt như thế nào?

- Nguyên nhân căn bản của những khác biệt trong Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

- Nghiên cứu so sánh Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc giúp ích gì trong thực tiễn ở Việt Nam và ngành Văn hóa Việt Nam học hiện nay?

6.2. Giả thuyết khoa học

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc có những khác nhau căn bản do chiến lược phát triển và đặc thù văn hóa khác nhau giữa hai quốc gia; việc nghiên cứu so sánh chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường sẽ cung cấp những luận cứ khoa học mới để phục vụ chiến lược nghiên cứu và đào tạo ngành văn hóa nói chung, ngành Văn hóa Việt Nam học ở Việt Nam nói riêng trong bối cảnh khu vực và quốc tế.

7. Đóng góp của luận văn

- Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu đầy đủ, có hệ thống về chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa bậc đại học giữa hai trường đại học là

trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc.

- Đây cũng là công trình đầu tiên nghiên cứu, phát hiện để đúc rút những thể mạnh, hạn chế trong chương trình đào tạo quản lý văn hóa của Việt Nam trong khi so sánh với một cơ sở đào tạo lớn của Trung Quốc nhằm đề xuất những nội dung, phương pháp thực tiễn cho Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

- Đây cũng là công trình đầu tiên dịch toàn bộ tài liệu liên quan tới chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa của Học viện Quảng Tây Trung Quốc từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt Nam.

- Do đó, đây là công trình có đóng góp trên cả phương diện lý luận và thực tiễn đối với công tác nghiên cứu và đào tạo về văn hóa nói chung, quản lý bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam nói riêng.

8. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận văn này được triển khai làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và tổng quan ngành Quản lý văn hóa ở Việt Nam và Trung Quốc.

Chương 2: Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc: So sánh mục tiêu, chương trình, phương pháp đào tạo và chuẩn đầu ra.

Chương 3: Chuyên ngành Quản lý văn hóa của trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Việt Nam và Học viện Nghệ thuật Quảng Tây Trung Quốc: nhận định và đề xuất.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

1.1. Khái niệm

1.1.1. Văn hóa và quản lý văn hóa

1.1.1.1. Văn hóa - bản sắc văn hóa

Văn hóa là khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, Cho đến nay, đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau về văn hóa.

Trong cuộc sống hằng ngày, văn hóa thường được hiểu là văn học, nghệ thuật như thơ ca, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh... Các "trung tâm văn hóa" có ở khắp nơi chính là cách hiểu này. Một cách hiểu thông thường khác: văn hóa là cách sống bao gồm phong cách ẩm thực, trang phục, cư xử và cả đức tin, tri thức được tiếp nhận.

Trong nhân loại học và xã hội học, khái niệm văn hóa được đề cập đến theo một nghĩa rộng nhất. Văn hóa bao gồm tất cả mọi thứ vốn là một bộ phận trong đời sống con người. Văn hóa không chỉ là những gì liên quan đến tinh thần mà còn bao gồm cả vật chất.

Một trong những khái niệm được đề cập nhiều nhất ở Việt Nam là khái niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”[15; tr. 458].

Còn các trường phái khác như Văn hóa học Mác-xít, đặc biệt là văn hóa học Xô viết đã kế thừa những quan điểm tiến bộ trong văn hóa học phương Tây vào các thập kỷ 60-80 của thế kỷ XX, dựa trên cơ sở của chủ nghĩa biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Các nhà khoa học thuộc trường phái này đã có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc và toàn diện về văn hóa với ba hướng tiếp cận chủ yếu:

Một là hướng tiếp cận giá trị xem xét văn hóa như tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần đã và đang được con người sáng tạo ra khác với tự nhiên; Hai là hướng tiếp cận nhân cách xem văn hóa như một phạm trù một thuộc tính của nhân cách. Văn hóa hướng vào việc phát triển những năng lực người, bộc lộ trình độ phát triển của con người; Ba là hướng tiếp cận hoạt động lại khẳng định hoạt động chứ không phải là những giá trị được coi là yếu tố cơ bản của văn hóa.

Như vậy, văn hóa thuộc nhân dân, mọi người đều có quyền hưởng thụ và có nghĩa vụ đóng góp, bảo vệ nền văn hóa dân tộc. Trong quản lý văn hóa (QLVH), ngoài nhà nước ra cần khuyến khích các hình thức tự quản của nhân dân, các đoàn thể quần chúng, hiệp hội nghề nghiệp trong việc bảo vệ và phát triển văn hóa, bảo đảm tính đa dạng của văn hóa và đáp ứng nhu cầu của người dân. Trên thực tế, người dân thực hiện các quy ước, hương ước, tham gia xây dựng làng (thôn, ấp, bản), gia đình văn hóa là đang bảo vệ và phát triển văn hóa.

Văn hóa Việt Nam là văn hóa đa dân tộc, với 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc mang bản sắc riêng, chính nét văn hóa độc đáo riêng của mỗi dân tộc đã góp phần tổng hợp tạo nên một nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Chính vì sự đa dạng này nên ngành Văn hóa Việt Nam cần phải đặc biệt chú ý đến các biện pháp quản lý riêng biệt cho phù hợp với văn hóa của từng dân tộc, vùng miền, sao cho vẫn giữ được bản sắc văn hóa riêng trong văn hóa chung của cả dân tộc.

Vì có rất nhiều khái niệm khác nhau về văn hóa, mỗi người sẽ có định nghĩa riêng của mình về văn hóa làm cho bản sắc văn hóa có những định nghĩa khác nhau. Thế bản sắc là gì? Bản sắc là nói đến một vấn đề nào đó, một sự vật, hiện tượng có tính chất đặc biệt và tạo thành đặc điểm riêng của sự vật, hiện tượng đó mà các sự vật, hiện tượng khác không có. Bản sắc là thể hiện cái riêng, cái độc đáo và độc lập của nó trước các sự vật, hiện tượng khác. Khi mà nghe đến bản sắc thì nghĩ ngay đến một vấn đề nào đó hay một địa điểm cụ thể nào đó, nơi mà tồn tại bản sắc riêng đó[23].

Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều có văn hóa riêng mình, khi so sánh văn hóa giữa các cộng đồng là nhằm tìm thấy sự khác nhau, chứ không nên so sánh tìm sự

hơn kém, cao thấp. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về bản sắc văn hoá, theo Người, nói giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc không đồng nghĩa với dân tộc hẹp hòi, đóng cửa, khép kín và cũng hoàn toàn xa lạ với kiểu bắt chước, học đòi, lai căng để đánh mất đi cái độc đáo, cái đặc trưng của dân tộc mình. Phải biết kế thừa, phát huy có chọn lọc những truyền thống văn hoá tốt đẹp phù hợp với điều kiện lịch sử mới, kiên quyết phê phán và loại bỏ những tập tục lạc hậu, cổ hủ, đùn đẩy để mở rộng giao lưu với thế giới, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tốt đẹp, tiến bộ của văn hoá nhân loại, tỉnh táo chống lại sự xâm nhập của mọi thứ văn hoá độc hại... Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt, ta học lấy để tạo ra một nền văn hoá Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hoá xưa và văn hoá nay, trau dồi cho văn hoá Việt Nam thật có tinh thần thuần tuý Việt Nam [16; tr.350].

Vậy bản sắc văn hóa có thể hiểu cơ bản nó là bản chất, là màu sắc, sắc thái, là đặc trưng nhất của một sự vật hiện tượng nào đó. Bản sắc văn hóa là nét đặc trưng của nền văn hóa nào đó. Bản sắc văn hóa thể hiện nét riêng của mình, thông qua đó bạn có thể so sánh và phân biệt với các bản sắc văn hóa khác. Bản sắc văn hóa là một phạm vi nhỏ thuộc nền văn hóa rộng lớn của một địa phương, một vùng hay thậm chí là một quốc gia. Bản sắc văn hóa là nét tinh hoa được hình thành trong quá trình lịch sử phát triển của dân tộc đó. Được con người tạo ra và thể hiện những nét riêng của dân tộc và gắn liền với sự phát triển kinh tế và xã hội của một quốc gia nào đó, một địa phương nào đó. Bản sắc văn hóa là nói về những nét đẹp trong văn hóa, những nét tinh hoa mà chỉ vùng, địa điểm, hay dân tộc nào đó mới có, và nét văn hóa đặc sắc nhất trong nền văn hóa chung để khi nhắc đến là nhớ ngay đến địa điểm cụ thể nào đó, hoặc dân tộc nào đó.

Ví dụ cụ thể để bạn dễ hiểu như nói đến áo dài người ta sẽ nghĩ đến nét văn hóa về trang phục của Việt Nam, khi nhắc đến sườn xám là nghĩ đến nét văn hóa về trang phục của Trung Quốc, nói đến Kimono là nghĩ đến nét văn hóa về trang phục của Nhật Bản, bản sắc văn hóa là thể hiện nét riêng và là nét đặc trưng mà chỉ cần nhắc đến người ta sẽ nghĩ ngay đến một địa điểm cụ thể nào đó tồn tại bản sắc văn hóa đó.

Theo định nghĩa trong Wikipedia, Bản sắc văn hóa hay bản thể văn hóa (tiếng Anh: cultural identity) là bản thể hay cảm giác thuộc về một nhóm nào đó. Nó là một phần của khái niệm về bản thân và nhận thức về bản thân của một người, và có liên quan đến quốc tịch, sắc tộc, tôn giáo, giai cấp xã hội, thể hệ, địa phương hay bất cứ loại nhóm xã hội nào có văn hóa riêng biệt. Bản sắc văn hóa đặc trưng cho cả cá nhân và nhóm đồng nhất về văn hóa với các thành viên có chung bản sắc văn hóa.

1.1.1.2. Quản lý văn hóa

Trước tiên chúng ta bắt đầu từ khái niệm quản lý. Theo từ điển Bách khoa Việt Nam, quản lý khi là động từ mang ý nghĩa: “Quản” là trông coi và giữ gìn theo những yêu cầu nhất định; “Lý” là tổ chức và điều khiển các hoạt động theo yêu cầu nhất định[19].

Đại từ điển tiếng Việt giải thích, “quản lý” là việc tổ chức, điều khiển hoạt động của một số đơn vị, cơ quan; việc trông coi, gìn giữ và theo dõi việc gì [26]. Các nhà nghiên cứu khoa học quản lý đưa ra khái niệm cụ thể hơn: “Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra” [17]. Để thực hiện công tác quản lý cần phải dựa vào các công cụ quản lý là các chính sách về luật pháp, chiến lược phát triển, quy hoạch, đề án bảo vệ và phát huy di sản, nguồn lực, tài chính, các công trình nghiên cứu khoa học... nhằm đạt được các mục đích đề ra.

Thuật ngữ “quản lý” thường được hiểu theo những cách khác nhau tùy theo góc độ khoa học khác nhau cũng như cách tiếp cận của người nghiên cứu. Theo quan niệm của Các Mác: “Quản lý là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất xã hội của quá trình lao động” [54; tr.29]. Quản lý văn hóa theo cách hiểu thông thường là công việc của Nhà nước được thực hiện thông qua việc ban hành, tổ chức, thực hiện, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, đồng thời nhằm phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương nói riêng, cả nước nói chung. Tuy nhiên, quản lý ở đây được hiểu là quản lý nhà nước. Về cơ bản, quản lý về văn hóa là sự tác động liên tục, có tổ chức, có chủ đích, định